

Số: 40 /2021/NQ-HĐND *Quảng Nam, ngày 08 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thưởng đối với tập thể, cá nhân
lập thành tích trong thi đấu tại các giải thể thao cấp quốc gia, cấp tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao
trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Xét Tờ trình số 8401/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về đề nghị quy định mức thưởng đối với các tập thể, cá nhân của
tỉnh lập thành tích trong thi đấu tại các giải thể thao cấp quốc gia, cấp tỉnh; Báo
cáo thẩm tra số 189/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã
hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thưởng đối với các tập thể, cá nhân của tỉnh Quảng Nam lập thành tích trong thi đấu tại các giải thể thao cấp quốc gia và các giải thể thao cấp tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh quyết định triệu tập và cử đi thi đấu lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia.

2. Vận động viên được cơ quan có thẩm quyền của địa phương, đơn vị cử tham gia thi đấu lập thành tích tại giải thể thao cấp tỉnh.

3. Các đoàn vận động viên được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, địa phương, đơn vị cử tham gia thi đấu lập thành tích tại các giải thể thao cấp quốc gia, cấp tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tập thể: Là các đoàn vận động viên của tỉnh và của địa phương, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia thi đấu tại các giải thể thao cấp quốc gia, cấp tỉnh.

2. Cá nhân: Là huấn luyện viên, vận động viên được cấp có thẩm quyền cử tham gia thi đấu tại các giải thể thao cấp quốc gia, cấp tỉnh.

3. Đại hội là các cuộc thi thể thao toàn quốc, toàn tỉnh được tổ chức định kỳ 4 (bốn) năm một lần trên phạm vi toàn quốc, toàn tỉnh.

4. Hội thi thể thao (bao gồm hội thao, hội thi thể thao trong các Lễ hội, Ngày hội văn hóa - thể thao - du lịch) là cuộc thi thể thao có tính quần chúng; có quy mô toàn quốc, toàn tỉnh nhưng tổ chức theo khu vực, được tổ chức định kỳ hằng năm, 02 năm hoặc 04 năm một lần.

5. Giải thi đấu cấp quốc gia, khu vực là các cuộc thi do cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương tổ chức trên phạm vi toàn quốc hoặc tổ chức theo khu vực.

6. Giải thi đấu cấp tỉnh là các cuộc thi do cơ quan có thẩm quyền ở tỉnh tổ chức trên phạm vi toàn tỉnh hoặc tổ chức theo khu vực trong tỉnh.

7. Nội dung thi đấu tập thể đạt giải tại các cuộc thi quốc gia được thưởng theo Nghị quyết này là có từ 02 người trở lên cùng tham dự một nội dung, thể loại thi.

8. Đội tuyển thể thao người khuyết tật của tỉnh: Là những vận động viên khuyết tật của tỉnh được tập trung tập huấn, thi đấu trong các giải thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc.

9. Đội tuyển thể thao cấp huyện, sở, ngành: Là những vận động viên ở địa phương, sở, ngành được cử tham gia các giải thể thao cấp tỉnh.

10. Môn thể thao tập thể: Là các môn Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng ném...

Điều 4. Nguyên tắc thưởng

1. Việc thưởng đối với các tập thể, cá nhân lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao được tiến hành chính xác, công khai, kịp thời nhằm tôn vinh các huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích.

2. Căn cứ văn bản cơ quan có thẩm quyền của tỉnh cử đi tham dự các giải thể thao và kết quả đạt được (chứng nhận hoặc thông báo kết quả của Ban tổ chức giải).

Điều 5. Quy định mức thưởng tại các giải thể thao cấp quốc gia, khu vực

1. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao cấp quốc gia và khu vực như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Giải thi đấu thể thao | Mức thưởng | | | |
|----|--------------------------------|------------|-----|-----|------------|
| | | HCV | HCB | HCD | Phá kỷ Lục |
| 1 | Đại hội thể thao toàn quốc | 15 | 9 | 6 | 9 |
| 2 | Giải vô địch quốc gia từng môn | 12 | 7,2 | 4,8 | 7,2 |

| | | | | | |
|---|--|---|-----|-----|-----|
| 3 | Giải cúp, giải trẻ quốc gia từng môn (trường hợp giải thi đấu không quy định lứa tuổi tham gia thi đấu thì được áp dụng mức chi tại lứa tuổi từ 18 tuổi trở lên) | | | | |
| a | Từ 18 tuổi trở lên | 6 | 3,6 | 2,4 | 3,6 |
| b | Từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi | 5 | 3 | 2 | 3 |
| c | Từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi | 4 | 2,4 | 1,6 | 2,4 |
| d | Dưới 12 tuổi | 3 | 1,8 | 1,2 | 1,8 |
| 4 | Hội thi thể thao, giải thể thao quần chúng trong hệ thống thi đấu quốc gia (trong chương trình thi đấu của Tổng cục Thể dục Thể thao) | 4 | 2,4 | 1,6 | 2,4 |
| 5 | Các giải thể thao tổ chức theo khu vực (trong chương trình thi đấu của Tổng cục Thể dục Thể thao hoặc Liên đoàn thể thao phối hợp tổ chức) | 3 | 1,8 | 1,2 | |

2. Đại hội, Hội thi thể thao, giải thể thao cấp quốc gia, khu vực (trong chương trình thi đấu của Tổng cục Thể dục Thể thao hoặc Liên đoàn thể thao phối hợp tổ chức) dành cho người khuyết tật: Tiền thưởng được áp dụng bằng mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Quy định mức thưởng tại các giải thể thao cấp tỉnh

1. Mức thưởng đối với vận động viên, tập thể lập thành tích tại các giải thể thao cấp tỉnh như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Giải thi đấu thể thao/Nội dung đạt được | Mức thưởng | | |
|----|--|------------|-----|-----|
| | | HCV | HCB | HCD |
| 1 | Đại hội thể dục thể thao toàn tỉnh | | | |
| | - Cá nhân | 1,5 | 0,9 | 0,6 |
| | - Đôi | 2,3 | 1,4 | 0,9 |
| | - Đồng đội | 3 | 1,8 | 1,2 |
| | - Môn tập thể từ 15 người trở lên | 12 | 7,2 | 4,8 |
| | - Môn tập thể dưới 15 người | 9 | 5,4 | 3,6 |
| | - Toàn đoàn từng môn | 3 | 1,8 | 1,2 |
| | - Toàn đoàn Đại hội | 15 | 9 | 6 |
| 2 | Giải thể thao từng môn, Hội thi thể thao | | | |
| | - Cá nhân | 1 | 0,6 | 0,4 |
| | - Đôi | 1,5 | 0,9 | 0,6 |
| | - Đồng đội | 2 | 1,2 | 0,8 |
| | - Môn tập thể từ 15 người trở lên | 9 | 5,4 | 3,6 |
| | - Môn tập thể dưới 15 người | 6 | 3,6 | 2,4 |
| | - Toàn đoàn từng môn | 2 | 1,2 | 0,8 |
| | - Toàn đoàn Hội thi thể thao | 10 | 6 | 4 |
| 3 | Giải trẻ, giải các nhóm tuổi, giải các câu lạc bộ từng môn | | | |
| | - Cá nhân | 0,7 | 0,4 | 0,3 |

| | | | |
|--------------------------------|-----|-----|-----|
| - Đôi | 1 | 0,6 | 0,4 |
| - Đồng đội | 1,5 | 0,9 | 0,6 |
| - Môn tập thể 15 người trở lên | 6 | 3,6 | 2,4 |
| - Môn tập thể dưới 15 người | 4,5 | 2,7 | 1,8 |
| - Toàn đoàn từng môn | 1,5 | 0,9 | 0,6 |

2. Căn cứ nguồn kinh phí tổ chức giải và tính chất của từng giải để cân đối mức thưởng động viên phong trào thi đấu cá nhân, tập thể với các nội dung sau:

a) Danh hiệu thủ môn xuất sắc; vận động viên xuất sắc; vận động viên Miss (chỉ dành cho môn bóng chuyền nữ): mỗi danh hiệu không quá 01 giải; mức thưởng bằng với mức thưởng Huy chương vàng cá nhân.

b) Giải khuyến khích: Chỉ áp dụng với những môn tập thể và không quá 02 giải cho 01 môn thi đấu; mức thưởng mỗi giải không quá 80% mức thưởng đạt huy chương đồng của môn đó.

c) Giải phong cách: Chỉ áp dụng với những môn tập thể và không quá 01 giải thưởng cho một giải thi đấu; mức tiền thưởng không quá 80% so với mức thưởng giải khuyến khích.

3. Đại hội, hội thi thể thao, giải thể thao cấp tỉnh dành cho người khuyết tật: Tiền thưởng được áp dụng bằng mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Dự kiến khoảng 2,8 tỷ đồng/năm từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, CTĐB.

CHỦ TỊCH

Phan Việt Cường

